SỞ Y TẾ
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
BỆNH VIỆN LÊ VĂN THỊNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Phụ lục 3
DANH MỤC CÁC TRANG THIẾT BỊ
TẠI KHOA/ĐƠN VỊ ĐÁP ỨNG YÊU CẦU GIẢNG DẠY THỰC HÀNH
(Đính kèm theo công văn số: 319 /BCB-BVLVT về việc công bố cơ sở Khám bệnh, chữa bệnh đáp ứng yêu cầu là cơ sở thực hành trong đào tạo khối ngành sức khỏe của Bệnh viện Lê Văn Thịnh ngày 17 tháng 5 năm 2024)

I. Trang thiết bị đáp ứng yêu cầu cho giảng dạy

STT	Tên trang thiết bị	Số lượng
1	Phòng họp	03
2	Máy chiếu	03
3	Màn chiếu	03
4	Laptop	03
5	Bảng viết	03

II. Trang thiết bị đáp ứng yêu cầu cho giảng dạy thực hành

1. Khoa Ngoại Tổng Hợp

STT	Tên trang thiết bị	Số lượng
1	Giường bệnh hồng kỳ	39
2	Đèn hồng ngoại	1
3	Bộ thay băng 04 món	10
4	Bộ tiểu phẫu 20 món	10
5	Bồn hạt đậu	10
6	Phi gòn 20	2
7	Phi gòn 13	10
8	Mâm tiêm	13
9	Bình tiếp liệu	11
10	Máy monitor	2
11	Máy hút đàm	2
12	Máy bơm tiêm điện	2
13	Máy phun khí dung	2
14	Đèn mổ 1 bóng	1
15	Máy SpO_2	1
16	Máy đo đường huyết	2
17	Máy huyết áp điện tử	5
18	Cân điện tử + thước dây	3

STT	Tên trang thiết bị	Số lượng
19	Đèn gù	1
20	Bình oxy	4
21	Xe lăn	3
22	Băng ca nằm	1
23	Xe thay băng	8
24	Xe tiêm nhựa	8
25	Bàn mổ phòng tiểu phẫu	1
26	Bồn rửa tay 3 ngăn	2
27	Đèn đọc phim treo tường	3
28	Đèn cực tím	1
29	Bộ đặt nội khí quản	2
30	Bộ cắt chỉ 04 món	5
31	Nopa kẹp bông sát khuẩn	2
32	Nopa Ống hút	2
33	Kẹp mạch máu	10
34	Kẹp ruột Badcock	4
35	Nhíp có mấu	7
36	Kẹp ruột Alis 5.6	7
37	Banh	2
38	Kẹp bóc tách	7
39	Kẹp khăn	5
40	Cán dao số 3	10
41	Cán dao số 4	10
42	Kẹp kim Mayo	6
43	Kéo met	13
44	Kéo Mayo	10
45	Nhíp có mấu	8
46	Nhíp phẫu tích	3
47	Kẹp mạch máu	3
48	Chén chum inox	4

2. Khoa Sản

STT	Tên trang thiết bị	Số lượng
1	Allis 16cm (kẹp chuột)	11
2	Bàn để dụng cụ inox	01
3	Bàn đẻ	09
4	Bàn may tầng sinh môn	03
5	Bình cắm kềm 16cm	03
6	Bình cắm kềm 18cm	03
7	Bình oxy 6m3 + đồng hồ	01
8	Bô inox nữ	03
9	Bộ đặt nội khí quản	02
10	Bồn rửa tay inox 2 ngăn	01
11	Bình làm ẩm oxy	16
12	Cán dao số 3	03
13	Cán dao số 4	02
14	Cán đẩy (xe lăn)	02
15	Cân thước đo TQ	01
16	Cây đốt TC	04
17	Cây nong TC	45
18	Cây treo dịch inox	04
19	Chén inox phi 12	03
20	Chén inox phi 8	44
21	Đèn khám gù – gáo	05
22	Đèn mổ di động 1 bóng Sturdy 2005, SLE - 01	02
23	Doppler tim thai / model ES 1000SPM Hdeco	01
24	Doppler tim thai xách tay Model TD- 5000	01
25	Forceps	01
26	Giường tay quay	25
27	Giường inox + đệm	20
28	Hệ thống rửa tay tiệt trùng	01
29	Hộp gòn phi 13x15	03
30	Hộp gòn tròn phi 8; 8.5	17
31	Hộp hấp tròn inox phi 12	04
32	Hộp hấp tron inox phi 26	04
33	Hộp hấp tròn inox phi 36	02
34	Hộp inox 10x20x3,5	21
35	Hộp inox CN 33X19X7	04
36	Hộp inox 20 x 11 x 3.5 cm	04

STT	Tên trang thiết bị	Số lượng
37	Huyết áp kế	10
38	Kelly cong 12cm	07
39	Kelly cong 14cm	01
40	Kelly thẳng 14cm	17
41	Kelly thẳng 16cm	34
42	Kelly thẳng 18cm	02
43	Kelly thẳng 22cm	19
44	Kềm đầu rắn 25cm	37
45	Kềm kẹp kim 16cm	12
46	Kềm kẹp kim 18cm	28
47	Kềm kẹp kim 20cm	30
48	Kềm kẹp kim 23cm	10
49	Kềm tim không răng 25cm	09
50	Kelly thẳng 12 cm	01
51	Kéo cắt chỉ 12cm	17
52	Kéo Metzenbau 18cm	06
53	Kéo thẳng nhọn 16cm	07
54	Kéo thẳng nhọn 18 cm	15
55	Kéo thẳng tù 16cm	13
56	Kéo thẳng tù 18cm	12
57	Khay hạt đậu 21x11cm	02
58	Kocher 16cm	48
59	Mâm 25x40	16
60	Máy hút nhớt Doctor Friend model DF - 300	02
61	Máy hút thai / Model CHS-EV	01
62	Máy soi cổ tử cung OCS-500 olympus	01
63	Máy soi cổ tử cung Towa medical 2005	01
64	Máy SpO2 oxy 9+ sensor	02
65	Máy sưởi ấm trẻ sơ sinh	01
66	Máy monitor sản khoa	6
67	Mỏ vịt	50
68	Móc vòng	10
69	Muỗng nạo đặc	10
70	Muỗng nạo rỗng	10
71	Nhíp có mấu 14cm	04
72	Nhíp có mấu 16cm	05
73	Nhíp không mấu 14cm	10

STT	Tên trang thiết bị	Số lượng
74	Nhíp không mấu 16cm	05
75	Nhíp không mấu 25cm	20
76	Nhíp có mấu 25cm	20
77	Nôi inox	3
78	Mâm 22 x 32 cm	10
79	Pozzy (kẹp cổ tử cung)	30
80	Xe tiêm + phụ kiện	02
81	Thau inox phi 40	12
82	Thau inox tắm bé phi 20	8
83	Thước đo lòng tử cung	20
84	Van âm đạo	20
85	Xe đẩy băng ca cán liền inox	02
86	Xe đẩy bình oxy bằng sắt	02
87	Xe đẩy inox 40x60 có hộc	01
88	Xe tắm bé inox	01
89	Monitor HA	01
90	Bơm tiêm điện	02
91	Ca Inox	02

a. Khoa Da liễu

STT	Tên trang thiết bị	Số lượng
1	Bộ bàn ghế khám bệnh	02
2	Giường khám bệnh	02
3	Cân có thước đo chiều cao/Thước dây	02
4	Huyết áp kế	02
5	Đèn đọc phim X-quang	01
6	Búa thử phản xạ	02
7	Bộ khám da (kính lúp)	02

b. Khoa Nhi

STT	Tên trang thiết bị	Số lượng
1	Bàn khám bệnh	01
2	Băng ca	01
3	Bình cắm kềm	08
4	Bình oxy + đồng hồ	04
5	Bộ đặt nkq (2 lưỡi cong + 1 lưỡi thẳng)	02
6	Bộ đặt nkq (3 lưỡi thẳng)	01

STT	Tên trang thiết bị	Số lượng
7	Bồn hạt đậu	04
8	Chén phi 8	04
9	Đèn chiếu vàng da	02
10	Đèn đọc phim	01
11	Đèn soi tai	01
12	Giường + nệm	44
13	Hộp gòn ø13	10
14	Hộp gòn ø20	05
15	Mâm tiêm	14
16	Kelly thẳng 16cm	03
17	Kềm kelly cong 16cm	02
18	Kéo cắt chỉ	05
19	Lồng ấp	14
20	Máy bơm tiêm điện (sp – 200)	14
21	Máy bơm tiêm điện (terumo)	01
22	Máy bơm tiêm điện (top – 3500)	03
23	Máy đo huyết áp	02
24	Máy đo spo2	02
25	Máy hút dịch (gima)	08
26	Máy phun khí dung (devilbiss)	03
27	Máy phun khí dung (omron cx)	03
28	Máy phun khí dung (omron)	02
29	Máy phun khí dung (speedymed)	05
30	Máy thử đường huyết (easygluco)	03
31	Máy thử đường huyết (percichek)	01
32	Máy truyền dịch	02
33	Monitor (nihon kohden)	02
34	Nhíp 13cm	03
35	Nôi sơ sinh	08
36	Thau inox ø50	01
37	Thước đo khung gỗ trẻ em	02

STT	Tên trang thiết bị	Số lượng
38	Warmer	01
39	Xe cấp cứu (inox)	01
40	Xe cấp cứu (nhựa)	01
41	Xe đẩy dụng cụ không hộc (50 x 80cm)	02
42	Xe đựng máy phun khí dung	01
43	Xe tiêm có hộc (40 x 60cm)	05

NGƯỜI LẬP BẢNG

Trần Chí Tài

GIÁM ĐỐC

SỞ Y TẾ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
BỆNH VIỆN LÊ VĂN THỊNH

Trần Văn Khanh